

Lễ Thượng Kỳ Đầu Xuân Giáp Thìn Tại Trung Tâm Thương Mại Eden ở Falls Church, Virginia

Đỗ Anh Tú K1/2

Theo truyền thống hàng năm từ khi Người Việt Quốc Gia đến định cư tại Quê Hương thứ hai này gần 49 năm nay, lễ thượng kỳ đầu Xuân Giáp Thìn được tổ chức trọng thể vào lúc 12 giờ trưa thứ bảy 10 tháng hai năm 2024 là ngày mừng một Tết Nguyên Đán tại Trung Tâm Thương Mại Eden thuộc thành phố Falls Church, Virginia.

Một Lễ Đài uy nghi và trang trọng với sự tham dự của nhiều quan khách, đồng hương, trẻ em trong những bộ lễ phục cổ truyền và các cựu quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trong quân phục các binh chủng đã tề tựu đông đảo.

Điều hợp diễn tiến buổi sinh hoạt có ông Matthew Trương, Phó Chủ Tịch Cộng Đồng/Đặc Trách Ngoại Vụ, cô Nguyễn Đỗ Như, Thủ Quỹ của Cộng Đồng Việt Nam, ông Tim Lê, Trưởng Ban Tổ Chức và Mũ Đỏ Trần Hồng Minh, Sĩ Quan Nghi Lễ. Lễ Đài và Bàn Thờ do Kiến Trúc Sư Bùi Dương Liêm thực hiện. Toán Quốc-Quân-Kỳ do các cựu quân nhân Hải-Lục-Không Quân đảm trách.

Chương trình bao gồm lời chúc Tết và phát biểu của ông

Phạm Dương Hiền, Chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam Vùng Washington DC, Maryland và Virginia, ông Bùi Mạnh Hùng, Đồng Chủ tịch Cộng Đồng vùng Maryland, ông Lý Thanh Phi, Chủ tịch Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa Vùng Hoa Thịnh Đốn và ông Cao Nguyên, Hội Trưởng Hội Người Việt Cao Niên Vùng Hoa Thịnh Đốn cùng Niệm Hương xin phò hộ cho một nước Việt Nam an vui, thịnh vượng và người dân Việt được sớm được đoàn tụ trong tự do.

Tiếp theo là lời chúc Tết đến Người Việt Quốc Gia khắp nơi cũng như trong Vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn của những quan khách người Mỹ đang làm việc trong chính quyền của Tiểu Bang Virginia và đại diện của họ.



Thống Đốc Virginia Glenn Youngkin không thể tham dự buổi lễ nên ông cử cô Đỗ Anh Tú, thành viên của Hội Đồng Quản Trị thuộc Ủy Ban Tư Vấn về Phụ Nữ Virginia, thay mặt ông đọc Tuyên Cáo. Đỗ Anh Tú cũng là Đoàn Trưởng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu vùng Hoa Thịnh Đốn và là Tổng Đoàn Phó Ngoại Vụ Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Nội dung bản Tuyên Cáo được tóm tắt như sau:

“Tết Nguyên Đán là ngày lễ có ý nghĩa quan trọng được hàng tỷ người trên khắp thế giới tổ chức hội họp, ăn mừng. Virginia là nơi sinh sống của ít nhất 750 ngàn cá nhân người Mỹ gốc Á và các đảo Thái Bình Dương. Đây là lễ hội đầu năm âm lịch, thời gian mà gia đình quây quần, bằng hữu họp mặt để tỏ lòng tôn vinh các vị Thần Linh và cúng bái Tổ Tiên.

Với tư cách là Thống Đốc, tôi công nhận ngày đầu năm âm lịch hàng năm là Ngày Tết Nguyên Đán trong toàn Tiểu Bang Virginia.”



Chuẩn bị chào cờ đầu Xuân Giáp Thìn 2024.

Ban Tổ Chức ghi nhận sự hiện diện của các quan khách Mỹ: Thượng Nghị Sĩ Mark Warner, Dân Biểu Gerry Connolly, ông D. J. Jordan, Đại Diện Bộ Trưởng Tư Pháp Virginia, Jason Miyares, bà Letty Hardi, Thị Trưởng Falls Church, bà Erin Flynn, Ủy Viên Hội Đồng Thành Phố Falls Church, bà Stacey Kincaid, Sheriff Fairfax, ông Kevin Davis, Cảnh Sát Trưởng Fairfax, ông Shahram, Sở Cảnh Sát Falls Church, ông Metin Matt Cay, Sheriff Falls Church và ứng cử viên Thượng Nghị Viện Liên Bang, cựu Hải Quân Đại Tá người Mỹ gốc Việt Hùng Cao.

Khách tham dự có sự hiện diện của Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trương Văn Thành K6 và Nguyễn Văn Lân K17, phu nhân của CSVSQ Nguyễn Văn Lân K17/1, TTNDH Trương An K6/2 và TTNDH Trần Nguyễn Thủy Tiên K16/2.

Sau đó Ban Tổ Chức tặng quà Tết cho các em và tiếp theo là múa lân, múa rồng tung bồng mang đầy màu sắc rộn rã của mùa Xuân Mới.

Lễ Thượng Kỳ đầu Xuân Giáp Thìn hoàn tất vào lúc 1 giờ 30 phút. Chúc mừng năm “RỒNG” sẽ mang lại nhiều điều may mắn, an khang, thịnh vượng, dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và đoàn kết.



Quan khách đang nhận quà lưu niệm. Cô Đỗ Anh Tú, Đoàn Trưởng TTNDH Vùng Washington, DC đứng thứ hai từ trái.



Toàn cảnh Thương Xá Eden, Virginia, đầu Xuân Giáp Thìn.

TRĂM NĂM NGUYỆT LĂNG

Một CSVSQ Khóa 24



Những mối tình không tròn trăm năm
Anh bỏ ta đi giữa đêm trăng rằm
Ta cứ tưởng ta đầy hạnh phúc
Nào ngờ tình duyên không có bao lâu!

*Ta sẽ đợi anh cho tới bao giờ
Ngày đã hết đẹp, môi bắt đầu khô
Phân hương lạnh lẽo chờ thương nhớ
Đời cũng tiêu điều như nắm mộ thô.*

Đã bao nhiêu lần ta tiễn anh đi
Vào nơi gió cát, vào chốn kinh kỳ
Chuỗi ngày chờ đợi tê đặng lại
Người ra đầu gió có lạnh chiến y?

*Rồi mùa Hạ qua, rồi mùa mưa qua
Lòng ta thoáng chốc bỗng hóa già
Thiếu phụ uất hờn không ngó lại
Nửa đời xuân sắc đã phôi pha*

Anh ở đâu trong cõi nhân gian?
Có ngóng tìm ta những đêm trăng ngàn

Hồn thiêng còn vương tình cuồng dại
Ôm lấy đời ta, lẻ bóng dung nhan.

Bài thơ dưới đây là của một CSVSQ Khóa 24 viết tặng cho chị Vũ Kim Thọ, Khoá 24/1. Anh không đề tên nên theo thời gian chị Thọ không nhớ là ai.

Anh viết về thời gian chờ đợi của chị Thọ đối với anh Hiến, K24 trong:

** Bốn năm Võ Bị, ba năm Biệt Động Quân, và gần 10 năm tù cộng sản.*

** Hai người cưới nhau sống chung được mấy tháng thì Anh Hiến vượt biển và bị bắt. Trong chuyến tàu tìm tự do cuối cùng, anh đã tử nạn trên biển cả.*

** Không tin vào sự thật, Chị Thọ đã chờ thêm 15 năm nữa để xem anh Hiến có còn sống trở về. Tuy nhiên, sự thật phũ phàng, anh Hiến đã ra đi vĩnh viễn.*



CHUYỂN VỀ NAM

Kiều Công Cự, Khóa 22

Sau mùa Giáng Sinh năm đó 600 người cũng từ trại B Nam Hà được chuyển về Nam trong đó có tôi. Thật là một điều vui mừng và hạnh phúc.

Chúng tôi lên xe từ trại B, đi ngang qua trại A, qua trại C rồi men theo con đường cũ kỹ nham nhở vùng Chi Nê, Thanh Liêm, rồi qua thị trấn Phủ Lý, đoàn xe ngừng lại ở



ga Bình Lục. Bây giờ là nửa đêm và đoàn tàu màu đen sì đang chờ sẵn ở đó. Chúng tôi lần lượt gồng gánh lên tàu. Một số người ngồi trên sàn tàu, một số ngồi trên ghế dài. Toa tàu như phòng giam lưu động. Cửa đóng kín và cài then từ bên ngoài. Theo thủ tục của công an cs thì bất cứ cuộc di chuyển tù nhân nào cũng phải còng tay hai người một. Không phải loại còng inox của Mỹ mà là còng nội hóa đã rỉ sắt, không có giũa theo cỡ tay lớn nhỏ mà chỉ có một cỡ. Người nào cỡ tay lớn thì bị

cồng siết chặt đầu đinh. Tuy thế chúng tôi cũng tìm cách mở ra cho được thoải mái.

Đoàn tàu bắt đầu khởi hành sau nửa đêm. Ai nấy cũng đều vui mừng. Quay quần lại hút thuốc lảo và kể chuyện ngày xưa. Chỉ có những anh chàng Bắc Kỳ di cư năm 54 mới theo dõi để tìm lại nơi chốn cũ. Nhiều người vẫn còn nhớ những nhà ga cũ như Bim Sơn, Thanh Hóa, Quỳnh Lưu, Cửa Lò, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới... Khi đoàn xe bắt đầu vượt qua Hồ Xá (Vĩnh Linh), lòng chúng tôi bắt đầu chùng xuống. Như một người bị lưu đày trở về lại quê xưa, lòng ai cũng bồi hồi xúc động.

Tàu đã qua cầu Hiền Lương trên sông Bến Hải, tiến vào vùng Gio Linh.

Đây mới là quê hương của tôi. Đây mới là những vùng đất mà chúng tôi phải đổ máu để mà bảo vệ. Đây là căn cứ A2 nằm trên một ngọn đồi nhìn xuống vùng Trung Lương nghèo nàn xơ xác đang ở bên trái tôi. Đây là căn cứ pháo binh C1 với những conex mà quân đội Mỹ để lại thật an toàn và âm áp nơi mà anh Nguyễn Kim Đễ, anh Phạm Cang, và những sĩ quan thuộc TD 9/ TQLC tụ họp vui vẻ trong những ngày Tết năm 1972. Rồi cây cầu Đông Hà nơi mà TD3/ TQLC đã chặn đứng sức tiến công của quân BV trong mùa Hè đỏ lửa năm 1972.

Tôi chạy qua bên trái rồi qua bên phải để nhìn những kỷ niệm của mình và của anh em mình. Tôi muốn kể cho họ nghe chiếc cầu đó đã gãy trên sông Thạch Hãn. Tôi muốn nhắc lại những ngày vui mừng đón bạn bè trở về trong lao tù cs trong những ngày trao trả tù binh sau ngày Ngung bắn 27/1/1973. Chúng tôi sẽ cầm tay nhau khi ngọn cờ vàng ba sọc đỏ tung bay trên Cỏ thành Quảng Trị đã được tái chiếm bởi hai lực lượng hùng mạnh nhất của QL/VNCH là Nhảy Dù và TQLC.

Cái ngày TQLC tái chiếm Cỏ Thành (15/9/1972), nỗi mừng vui biết nói sao cho vừa. Những chiến tích cả một đời làm sao mà quên được. Trong lòng những người lính chiến miền Nam, ngọn cờ Vàng Ba Sọc Đỏ vẫn ngạo nghễ tung bay:

*“ ...Cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu ,
Vừa chiếm lại đêm qua bằng máu...
...Ta ôm nhau mắt lệ nghẹn ngào,
Quì hôn đất thân yêu,
Quảng Trị ơi!
Chào quê hương giải phóng...
Hồi sinh rồi, này Mẹ này Em.
Qua đêm đen tìm thấy ánh mặt trời...”*

Đoàn tàu đi qua dòng sông Hương. Dòng sông vẫn lặng lẽ, những con đò đón khách buồn hiu. Qua cầu Bạch Hổ nhưng tàu vẫn không dừng lại ở ga Huế. Có quá nhiều kỷ niệm trên đoạn đường tôi vừa đi qua. Rồi... Phú Lương, Bạch Mã, Lăng Cô, đèo Hải Vân, Nam Ô, Đà Nẵng, Quảng Tín. Rồi đoàn tàu đi qua Đức Phổ, Mộ Đức, Tam Quan, Phù Mỹ.

Tàu dừng lại ở ga Diêu Trì (Bình Định; 300 anh em ở đoàn tàu phía sau xuống tàu. Họ được đưa lên những chiếc xe Molotova, theo QL 19 mà về trại tù Gia Trung (Gia Lai, Kontum). Rồi đoàn tàu tiếp tục đi qua các ga Văn Canh, Tuy Hòa, Vạn Giã, Diên Khánh, Ba Ngòi, Cà Ná, Mường Mán và cuối cùng dừng lại ở ga Gia Ray (Xuân Lộc). Chúng tôi được lên xe đưa về trại Z30D (Hàm Tân). Đây là Căn Cứ 5 của quân đội Đồng Minh cũ, cách QL I khoảng 3 Km, nằm trong mật khu Mây Tàu, Long Khánh. Một trại giam khá đông đảo tù nhân với hơn 6.000 người, chia làm hai khu cũ và mới, ngăn cách nhau bằng một hàng rào kẽm gai. Khu mới lợp tôn, có bê nằm bằng ciment, tầng trên có ván dày. Phòng vệ sinh tương đối sạch sẽ. Trước đây trại có dành một khu cho những nữ sĩ quan và nhóm tình báo Thiên Nga và một số hình sự. Bây giờ thì không còn nữa. Đám cán bộ vc ở đây cũng rất hách và cái đám trật tự tay sai cũng làm ra vẻ có quyền hành như... Về đây tôi cũng nghe cái chết đầy bi thảm của Tr/tá Huỳnh Văn Lượm, cựu Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 9 TQLC. Tôi đã có một thời gian tôi làm đại trưởng cho ông, trước khi ông về làm Liên Đoàn Phó 258.

Trong tập truyện: **“Ở Một Nơi Để Tìm Thấy Thiên Đàng”**, tác giả là Thiều Tá Huỳnh Văn Phú, người bạn cùng quê, cùng trường đã viết:

– “Không một ai có thể tin Lượm nhảy vào chảo nước sôi, mà chính anh đã chọn cái chết hãi hùng như thế. Suốt 10 năm đói khổ, tuyệt vọng, lê lét trong ngục tù cs, tôi đã từng chứng kiến nhiều cái chết của bạn bè, nhưng không cái chết nào làm cho lòng tôi tan nát như cái chết của Lượm...”

Trong cuộc di tản từ Đà Nẵng về Sài Gòn, anh Lượm là Lữ Đoàn Phó 258 cho Đại Tá Nguyễn Năng Bảo. Anh có một người vợ rất đẹp, Tây lai, mà theo lời anh Phú thì *vợ Lượm có một nhan sắc tuyệt đẹp của một người mang hai dòng máu Pháp Việt...* Họ lấy nhau 1970 và có với nhau hai đứa con trai, nhưng đứa con đầu phát triển không bình thường. Điều nay đã làm anh khổ tâm không ít. Trong suốt bảy năm đi tù ở ngoài Bắc vợ anh chưa một lần đi thăm. Đến năm 1983, trong một lần đi thăm, người chị ruột của anh cho biết vợ anh đã bỏ anh và hai con để lấy một người đàn ông khác. Thật ra trong hoàn cảnh hiện nay, cũng có nhiều người vợ bỏ đi lấy chồng khác, hoặc nhẹ dạ nghe lời vc hoặc tự mình không thể đứng vững giữa cuộc đời thay quá đột ngột và những phũ phàng của cuộc sống. Đã có lần anh cay đắng khi sao sánh:

– Giữa đàn bà và loài hoa có sự tương đồng. Những loài hoa có màu sắc rực rỡ thường không có hương, mà chỉ có những loài hoa có màu sắc đơn giản như....”

Đó là nỗi buồn phiền rồi tuyệt vọng đã đưa đến cái chết của anh và cũng là nỗi xót xa của những người đàn ông trong những hoàn cảnh tương tự. Nhận xét này không hoàn toàn đúng, mà tùy thuộc vào cá tính và lệ thuộc vào hoàn cảnh của mỗi người.

(Trong hoàn cảnh tuyệt vọng của cuộc “đổi đời”, chồng đi tù đột ngột, con nheo nhóc, không có một đồng dư thừa để sống, chưa hề bước chân ra xã hội thì làm sao ai có thể ứng

phó. May mắn thay, chuyện xảy ra chỉ trong một số ít trường hợp. Tuyệt đại đa số những người vợ đã vượt qua bao khó khăn, kiếm sống cho gia đình, nuôi dạy con cái, nuôi chồng trong tù, chờ ngày được đoàn viên. Có mấy người có thể làm được)

Chúng ta hãy nghe một bài hát thật đau lòng của một người trước khi từ giã cõi đời đã viết và đã hát, mặc dầu anh không phải là nhạc sĩ hay ca sĩ:

*Chúa nói yêu ta,
Marx nói yêu ta,
Em cũng nói yêu ta.*

*Chúa hứa hẹn một thiên đàng,
Marx hứa hẹn một vườn hồng
Em thì hứa yêu ta suốt đời.*

*Nhưng,
Thiên đàng chưa tới,
Vườn hồng chẳng thấy,
Chỉ có máu, mồ hôi và nước mắt,
Những vòng kềm gai thù hận,*

*Còn em thì mãi mãi
Đã bỏ ta đi lấy chồng.*



Bài hát mang âm điệu của một bài thơ với nỗi niềm xót xa bi thảm và chán chường.

Nửa tháng sau, chúng tôi được thăm nuôi. Tôi rất vui mừng gặp lại và hai con. Tuyệt bây giờ đã khá hơn, không còn quá ốm như lần đi thăm ở ngoài Bắc. Cường đã lên 10 tuổi, còn Thảo thì 8 tuổi. Thảo từ xa đã chạy tới ôm tôi. Con bé thật nhanh nhẹn và xinh đẹp. Cường thì vẫn còn e dè và nhút nhát. Bản tính của nó là vậy...

(Còn tiếp)

Giữa Hai Lần Đạn

Bà Nguyễn Trọng Mạc, Khóa 15/1

Khoảng đầu Tháng 3, 1975 khi dân chúng các nơi từ miền Trung lần cao nguyên lân cận vẫn lếch thếch tả toai đi vào thành phố, Qui Nhơn như trong nồi nham thạch của núi lửa đang bùng phát. Toàn bộ phố chợ đều tắt bật kẻ bán đồ, bán tháo tất cả những gì có thể bán để thoát chạy. Kẻ mua thì vừa mua vừa thu lượm tích trữ cho số phận ở lại. Ngân hàng không còn chỗ chen chân chờ đợi trong vô vọng để rút ra được phần nào tiền của chính mình đã thác gửi phòng khi hữu sự. Cộng Sản là gì, Việt Cộng là ai mà người dân khiếp sợ đến thế, sợ như sẽ rơi vào hoả ngục.

Tôi đã không ngoại lệ và đã cùng với đồng bào tôi trong những ngày tang thương đó. Phần vì lo lắng không còn sáng suốt để đối phó với nghịch cảnh, phần hồi hận đã không nghe lời khuyên của chồng vì tự tin và không lường được mọi việc tàn khốc nhanh chóng đến thế. Tất cả các phương tiện truyền thông dân sự đều loan tin thất thiệt, nên tưởng mình còn có thể đẩy lui được cộng quân để giải thoát miền Trung. Tôi cảm cực theo sát người hẹn trả tiền mua nhà của bố mẹ tôi và người mua lại cửa hàng của chị tôi.

Sáng sớm ngày 12 tháng 3, tôi nhận điện tín từ Phú Quốc:

- “Em và hai con đi ngay, với Thiếu Úy T. ra phi trường Phù

Cát, không đem gì cả trừ thuốc và thực phẩm cho con. Nếu còn “lỳ” thì giao con cho Thiếu Úy T”.

Mồ hôi bỗng ướt đầm toàn thân, tôi chạy đến trước Tượng Mẹ Maria tha thiết xin Mẹ phù hộ.

Khoảng 9:30 giờ sáng 13 tháng 3, chiếc xe jeep quân đội đầy bụi đến trước cửa nhà đón tôi tới phi trường Phù Cát thăm dò. Như một robot tôi lên xe và chỉ kịp xác nhận với Thiếu Úy T. là sẽ phải về lại vào buổi chiều cùng ngày, vì hai đứa con tôi đang gửi các Soeur Trường Đồng Tiên.

Chỉ khoảng 20 km khi ra khỏi thành phố Qui Nhơn về hướng Phù Cát thì hai bên đường đã gần như bỏ hoang từ lâu, thỉnh thoảng có một xe hàng dân sự đi vào thành phố.

Với tâm trạng tìm một mảnh ván làm phao trong cơn sóng thần, tôi im lặng, nín thở, và cầu nguyện... Khi xe rẽ vào con đường sỏi đất vẫn không một bóng người, Thiếu Úy T. cho biết là xe đang đi vào phi trường quân sự Phù Cát.

Chỉ có Chúa mới biết tôi hoảng sợ đến mức độ nào, vì ngay cả trạm kiểm soát cũng đã bị gỡ hết vật liệu chỉ còn lại mấy tấm tôn che mái lỏng lẻo trên khung gỗ. Các tấm sắt lót đường cũng đã bị lấy đi còn lại là một khung cảnh hoang tàn đồ nát đến ghê sợ. Tôi biết mình đã bị lừa vì vào khoảng khắc đó thì chắc chẳng còn quân kỷ nữa.

Thiên Thần Bản Mệnh của tôi đã soi trí tôi. Tôi nhờ Thiếu Úy T. cho tôi về ngay và sẽ đưa hết số tiền đang có khoảng \$450 ngàn nhờ chạy giúp hộ 3 vé máy bay dân sự về Sài Gòn mà lúc đó giá chợ đen khoảng \$90 ngàn (2 lượng vàng). Ông ấy biết rõ là vô phương nhưng vẫn nhận lời. Suốt đường về không còn một tiếng động nào ngoại trừ tiếng gió rít qua cánh gà của xe, nguy hiểm tứ bề ở ngay trong từng hơi thở.

4:30 chiều mùa Hè mà đã gần hết ánh mặt trời như cùng sâu nảo với lòng người trong loạn ly. Tôi chạy nhanh vào văn phòng, Soeur Hiệu Trường đang trực sẵn với hai hàng nước mắt vui mừng lăn tràn khuôn mặt, mà tôi không tin là thật vì bà vẫn tỏ ra là người cứng cõi. Tôi xin Soeur đưa cho tôi \$450 ngàn nhờ mua vé Air Việt Nam về Sài Gòn. Soeur cho biết là

phi trường Qui Nhơn đã bỏ ngỏ từ nhiều ngày trước. Tôi cảm ơn Thiếu Úy T. để ông ấy ra về và cũng xin nếu có giải pháp khả thi thì xin giúp tôi.

Lúc đó tôi mới bật khóc khi ôm chặt con vào lòng. Nếu không có sự thể đưa \$450 ngàn nhờ ông thiếu úy mua hộ vé máy bay thì tôi đã đi vào hỏa ngục trần gian từ ngày 13 tháng 3, 1975. Cái ngày định mệnh đó chỉ có Chúa mới cho tôi sự quan phòng thiêng liêng của Ngài.



Nha Trang cuối Tháng 3, 1975.

Khoảng 5:00 giờ sáng 16 tháng 3, cùng với ông Hiệu Trường Trường Trung Cường chúng tôi đến bến xe đò giành dặt để trả \$870 ngàn thuê riêng một chiếc xe chở hàng nhỏ nhất để về Phan Rang. Trên suốt hành trình cam go này chỉ có vợ con ông Hiệu Trường Trung Cường và ba mẹ con tôi, hai người đàn bà cùng bốn đứa con nhỏ, muôn tắc trở muôn gian nan để về đến được Phan Rang. Đến đây thì đã không còn phương tiện để đi tiếp về Sài Gòn vì ngày 17 tháng 3 đoạn đường Nha Trang-Phan Rang đã bị quân Việt Cộng chiếm đoạt.

Cho đến khi tôi đem được hai con đến bến tàu Rạch Giá chờ được tàu Hải Quân đón ra Phú Quốc vào ngày 19 tháng 4, 1975 thì đã trải qua hai ngày tàu thủy chở hàng từ Phan Rang-

Vũng Tàu. Màn đêm bao phủ, mạn thuyền sát mặt biển, sóng chết chỉ là chuyện đã rồi. Hai tuần tôi nằm điều trị trong nhà dòng Mến Thánh Giá Vũng Tàu, một ngày xe của nhà dòng trên băng ca từ Vũng Tàu - Sài Gòn, một tuần điều trị tại bệnh viện Biên Hòa, một ngày xe Sài Gòn-Rạch Giá với một valise chỉ có thuốc. Cái giá phải trả cho tự do cho nhân quyền cho nhân đạo thật quá đắt khi còn bỏ lại quê hương dưới ách cộng sản.

Bước lên cầu tàu An Thới Phú Quốc, trong vòng tay bảo bọc yêu thương của người chồng đã nợ tôi từ kiếp trước. Anh nói:

- “Qua lòng thành khẩn cầu xin Chúa mà em và con đã lọt qua một khe hở mỏng manh giữa hai lần đạn.”

Giọt lệ ăn năn hòa trong hạnh phúc, tôi đã cảm ơn anh bằng cả tình yêu của một đời tha hương và mãi đến ngàn sau.

Kính yêu về anh,

Huntington Beach - Tháng 4, 2024





Ngậm Ngùi

Nguyễn Trọng Việt, Khóa 23

Không làm tướng thì làm dân
thân lãng tử nương nhờ nơi đất khách
nay phải sống trọn một đời lữ thứ
bao vui buồn trộn lẫn với ưu tư

*Ước mơ về bến cũ, con đò xưa
nhớ nhà khói thuốc bay lên mãi
rượu mới vài ly đất trời quay
mặc... thế sự đổi thay*

mặc... nhân tình tráo trở
chỉ tìm vui trong tiếng hát lời ca
mực đã khô, bút cũng tà theo năm tháng
vẫn làm thơ tiếc nuối một thời xa

*ta vẫn nhớ tiếng gươm thét xung phong
nơi chiến địa reo vang lời chiến thắng
tôi cùng anh
tiếp nối dòng lịch sử
cao cả chí nam nhi*

những cứ tưởng vươn cao, vươn cao mãi...
nhưng bỗng chốc... tan tành theo mây khói
vận nước điêu linh ta đành chịu

*thân này muốn cứu cũng khoanh tay
ngửa cổ nghiêng bình ta cứ say*

Đề Nhớ, Đề Thương.

Captovank19

*“Còn một chút gì để nhớ, để thương” SVSQ cán bộ Khoá
17 - Lê Lai.”*

Sau khi đậu Tú 2B, tôi nộp đơn vào Khoá 19 Võ Bị, Khoá 62 Không Quân và thi vào Khoá 12 Hải Quân với quyết tâm trúng nơi nào thì vào nơi đó ngay. May thay, Võ Bị rồi Không Quân gọi, còn Hải Quân thì phải chờ kết quả thi. Tôi đang phân vân giữa Võ Bị và Không Quân thì bu tôi góp ý:

- Con đi Không Quân nó bay bay, bu sợ lắm! Con đi Đà Lạt, có chị con trên đó, sau này học xong, nhờ chị lo cho cùng làm việc một chỗ với anh thì bu an tâm hơn.

Anh kể tôi làm cảnh sát ở Đà Lạt từ những năm 1957, tôi đã từng lên đó nghỉ hè nhiều lần, đã từng ngắm các ông sinh viên sĩ quan Đà Lạt dạo phố, liếc các ông khi đến chơi nhà cô Hồng hàng xóm (nhà chị tôi 16C, nhà cô Hồng 16D Phạm Ngũ Lão Đà Lạt). Vì thế tôi chọn VB ngay.

Ngày nhập trường, tôi mang cạc-táp giày da bóng láng để dạo phố như thăm khoe với cô hàng xóm: “Ta cũng là sĩ quan Đà Lạt”! Nào ai ngờ giày da lại là tai hoạ cho những ngày tháng đầu tiên đầu đời binh nghiệp. Người giáng hoạ xong

chúng tôi chính là những sinh viên sĩ quan cán bộ Khoá Lê Lai,

Sau màn kèn trống inh ỏi, lời chào hỏi dẫu dằng, phát danh số cho chúng tôi đeo vào đây lưng, vừa bước qua cổng Nam Quan là các ông quay lưng với dẫu dằng, như những “hung thần” hò hét, quát tháo, nạt nộ tân khoá sinh khiến chúng tôi hoảng sợ. Các ông cán bộ hét: “Chạy theo tôi”, thế là đám tân khoá sinh tay xách, nách mang, vai vác, lê lét, lếch thếch lẻo đẻo theo sau, gập ngay vũng nước, sợ ướt đôi giày da mới, tôi chạy né qua một bên, ông nạt:



Hai đại đội Tân Khóa Sinh đang trình diện vị chỉ tọa. Đứng giữa là Đại Úy Lê Huy Cự Khóa 16.

- Đạp vào vũng nước cho tôi.

Hoảng hồn, tôi nhảy đại vào vũng nước, ông nạt tiếp:

- Năm cái nhảy xồm.

Nhảy xồm trong vũng nước! Thế là tiêu đời nhà ma đôi giày da rồi! Ông hung thần đó là sinh viên cán bộ Võ Toàn. (người trong hình).

Rồi liên tiếp tám tuần sơ khởi là “tiêu đời TKS”. Chúng tôi chịu mọi hình phạt-nói đứng ra là các bài học về thể chất với

mục đích đào tạo cho người SVSQ một thân thể cường tráng với tinh thần minh mẫn.

Cường tráng thì có, lên thêm được 13kgs, còn minh mẫn thì phải coi lại, trái ớt mà ông bảo là trái chuối cũng phải nghe theo thì minh mẫn cái gì!

Thực ra tất cả chỉ nhằm mục đích huấn luyện cho người lính hiểu “kỷ luật là sức mạnh của quân đội, thi hành trước khiêu nại sau”. Các cán bộ Khóa Lê Lai chỉ là giờ cao đánh khê, hò hét cho oai, khẩu xà tâm Phật, đầy tình thương kín đáo nhẹ nhàng.

Những “hình phạt” tám tuần sơ khởi thì sinh viên sĩ quan nào cũng biết, cũng nhớ, đó chính là sợi dây liên kết tình huynh đệ mãi mãi về sau.

Trong bài viết này tôi chỉ xin ghi lại “một chút gì để nhớ đề đề thương” với các hung thần Khoá Lê Lai đã huấn luyện chúng tôi nên người, những đàn anh đáng kính mà tôi có dịp quen biết, tiếp xúc trên mọi miền đất nước. Do đó, kể từ đây, những niên trưởng Khoá Lê Lai mà tôi gọi là “hung thần, là ông, là thầy, là anh v.v..là đôi khi có tí rơn mặt đùa vui, nhưng thực lòng là luôn kính trọng, nhất là “Anh”. Đã là anh-em trong đại gia đình, gà cùng một mẹ-Trường Mẹ, thì chúng ta phải luôn cư xử với nhau “trên kính dưới nhường” cho đúng *với tinh thần của một gia đình lễ giáo, tôn ti, trật tự.*

Trong Quân Trường:

Anh Võ Toàn là sinh viên cán bộ Đại Đội H/ K19 Tân Khoa Sinh, người thầy đầu đời binh nghiệp nên tôi nhớ từ vóc dáng đến cử chỉ, lớn giọng nhưng nhỏ con, mỗi khi đi chuyển, dù chạy hay đi, hai cánh tay anh khuỳnh ra tựa như gà mẹ dang cánh che chở đàn con. Dù đã 62 năm (1962-2024) tôi vẫn nhớ lần bị anh “phạt” đến ứa nước mắt.

Chiều Đông 12/1962 mưa phùn gió bắc, trên bãi tập chiến thuật cạnh hồ Than Thở, TKS/ K19 ngồi co ro ôm Em Một (Garant M1) ngủ gà ngủ gật học bài vượt sông, trong lúc bụng

đôi cật rét tôi nghĩ ngay tới mấy cục kẹo Nougat nhét trong túi áo, làm cách nào cho vào miệng đây? Liếc quanh không thấy cán bộ, huấn luyện viên phía trước đang giảng bài, tôi giả bộ hung hăng ho, vội lấy tay che, và thần dược Nougat an vị trong miệng. Kẹo chưa lột giấy, ngậm mãi chưa tan nên lưỡi phải làm việc khiến hai gò má nhúc nhích...

Vị ngọt vừa thấm thì tôi nghe ai gõ lên nón sắt, quay lại thấy cán bộ Võ Toàn cầm cây “gậy chỉ huy” hất hất ra lệnh cho tôi đứng dậy, ra khỏi hang, ông nghiêm mặt khẽ hỏi:

- Anh nhai cái gì trong miệng?

Trời đất quay cuồng, tự giác là thước do tư cách SVSQ, tôi ấp úng:

- Thưa kẹo Nougat.

- Mua ở đâu? Ai cho? Bao nhiêu cái?

- Thưa Niên Trưởng Nguyễn Quang Kim cho 10 cái.

Ông hét lớn:

- Anh bò cho tôi 5 phút, rồi xuống giọng thật nhẹ, “Nuốt cho hết kẹo”!

Tinh thần không minh mẫn nên chỉ còn biết thi hành lệnh “phạt” mà ứa nước mắt. Hạnh phúc cũng khóc, miếng ngon nhớ lâu điều đau nhớ đời.

Anh Võ Toàn K17, đàn em K19 kính phục Anh.

TKS mà có người thân quen là VIP, cán bộ, là khoá trước thì chỉ có... chết, dựa hơi là hết thở với cán bộ huấn luyện. SVSQ nào cũng biết điều đó đề sau này ra trường, tự đứng trên đôi bàn chân của mình, từ chối mọi ân huệ “con ông cháu cha- COCC” thực tế đã có vô vàn trường hợp như thế, trường VB đã dạy sinh viên như thế. Nguyễn Quang Kim biết rõ điều đó, anh phạt tôi, nhưng vẫn còn một chút gì đó để nhớ để thương.

Hai tay nâng M1 đưa thẳng lên trời, chạy trên đường quanh

doanh trại, tới vòng thứ hai thì tay khuỷu xuống, M1 nằm tì lên vai, bỗng tôi nghe tiếng quát: “Tân khoá sinh kia chạy không đúng thế, bước ra khỏi hàng, bỏ cho tôi.

Người quát là Nguyễn Quang Kim, ức quá tôi rủa thầm:

- Làm gì mà nạt nộ hách xì xằng thế, “mày với tao” học cùng lớp Petrus Ký mà.

Giận quá, nhưng vẫn phải cần răn thi hành lệnh: bỏ trên sân cỏ. Thoáng chốc, tôi mới nhận ta được bỏ trên sân cỏ xướng hơn nhiều lần ôm Em Một chạy...

Tối hôm đó anh Kim đến phòng quăng cho tôi gói kẹo, rồi quay đi.

Hai ông K17 phạt tôi, một ông bắt tôi bỏ rồi quăng cho gói kẹo, một ông bắt tôi bỏ rồi ra lệnh nhai sao cho hết! Những hình phạt: “Còn một chút gì để nhớ để thương”.

Khoá 20 nhập trường (12/1963), tôi thấy Nguyễn Ngọc Tư, bạn cùng lớp L.P.Ký, hý hứng vui mừng, vài ngày sau thấy hấn tã như cái mền rách nhúng nước, ôm ga-răng chạy lê lét chót hàng quân, nhớ nỗi khổ của tôi năm trước, học cách phạt của anh Kim K17, tôi cũng hét vào mặt thằng bạn:

- Anh kia, chạy không đúng thế, bỏ vào sân cỏ cho tôi.

Hình như Nguyễn Ngọc Tư giận lắm, nhưng vẫn phải ngoan ngoãn bỏ.

Tối hôm đó tôi lên mang cho bạn gói kẹo Nougat, Tư cầm lấy rồi vát vào góc phòng! Tôi không nói câu nào mà vội quay đi, léng phéng cán bộ Tiểu Đoàn Trưởng TKS Lê Khắc Kha (tục danh Cùng Hung Cực Ác) trông thấy thì phiên cho Nguyễn Ngọc Tư.

Sau này khi ra trường 11/1965, Tư đổi tên là Nguyễn Ngọc Tú, chọn Binh Chủng TQLC, gặp nhau, ôn chuyện cũ, hai thằng cùng cười.

Trong số cán bộ TKS, người mà chúng tôi được (bị) săn sóc

kỹ nhất, từ miếng ăn đến giấc ngủ là “Hung Thân Linh Thọ” Nguyễn Duy Linh.

Trong phòng ăn, ông đi dòm chùng đám TKS, thấy tên nào có vẻ chán cơm (nhưng không dám mơ đến phở) thì ông gần trong cổ họng cho giọng khan khan:

- Anh này ăn mấy chén (bát) rồi?



Một đại đội Tân Khóa Sinh Khóa 19

Hiếu, Nguyễn Xuân Huy, Tô Văn Cấp ngủ trên giường, còn Lê Quang Chích vốn chậm chạp, sợ làm giường vuông góc không kịp nên Chích ngủ dưới sàn, “thấy em nằm đất anh thương”, anh bắt Chích lên giường nhảy xôm. Nhảy xôm trên giường nệm lò-xo!

Đây là đoạn phim khôi hài được ghi vào sách kỷ lục Guinness, nhìn Chích để hai tay lên đầu, khom khom gối hạc, Chích nhảy lên thì đầu đụng găm giường tầng trên, rơi xuống thì lo xo nhún nhảy đẩy Chích rơi xuống đất! Dầu làm bộ nghiêm như ông thánh sống thì ông Linh Thọ vẫn phải bụm miệng cười, 3 thằng tôi đang sợ té đé, thấy Ông bụm miệng đi ra, con nín cười bị đè nén được dịp bùng ra, chúng tôi ho

- TKS Tô Văn Cấp đã ăn năm bát.

- Ăn thêm một bát nữa cho tôi.

Thế là sau tám tuần sơ khởi, TKS nào cũng tăng cân lên gần chục kgs.

Tôi khuya, ông Linh Thọ đi thăm các em ngủ ngáy ra sao. Phòng 22/ĐĐH, Nguyễn Trọng

sắc sụa.

Chiều ngày 22/12/1962 là buổi văn nghệ tiễn đưa các Thiếu Úy Ấp Chiến Lược lên đường, dập diu tài tử giai nhân, các tân Thiếu Úy K16 diu em qua chỗ chúng tôi đang đứng nghiêm, gập cằm trước phạm điểm (nhà ăn) nhưng tên nào cũng len len liếc mắt dòm theo mà thèm cho phận mình. Các thiếu úy ấy đã trải qua hơn 3 năm rồi, còn chúng tôi mới vừa đúng 1 tháng trong quân trường, đường còn dài, lấm chông gai, không biết sức có kham nổi... đang than thân cho tương lai thì giật mình trở lại với thực tế bởi tiếng thét:

- Nghiêmmmmmmmmm.

Với giọng khan-khàn, hung thần nón nhựa cao giọng dạy dỗ:

- Ai cho phép các anh liếc... các thiếu úy? Các anh mới chỉ là tân khoá sinh, tương lai còn tùy thuộc vào... (vào cái gì thì ông không nói mà lại hô tiếp)

- Nghiêmmmmmmm (tiếng thét khiến những hồng Đà Lạt có gai ngó TKS chúng tôi, cười chúm chím)

- Hôm nay có chương trình văn nghệ mừng các tân thiếu úy, các anh là tân khoá sinh, tôi cho phép tham dự, nhưng phải ngồi yên, không được vỗ tay, không được cười, ai muốn cười thì bước ra khỏi hang, nghe rõ chưa?

- Rõoooooooooooo.

Cả tiểu đoàn TKS cùng hét lên vang một góc rừng, dường như trong đó có những tiếng hét như có dịp để trút bớt nỗi buồn.

Hung Thần đó là anh Nguyễn Tiến Đức-khẩu xà tâm Phật, tiếng thét của anh dạy cho chúng tôi biết mình là ai trong gia đình Võ Bị, cười nói phải cho đúng nơi đúng lúc. Tôi ghi nhớ lời anh dạy nên từ đó tôi ít cười, ít dám cười với ai.

TKS/K19 trông ngó thế này mà dám liếc Hồng có gai ĐL!

Trong quân trường, bất cứ niên trường nào cũng có quyền dạy dỗ, sửa sai TKS nếu các ông muốn ra oai, rẻ thì cho năm cái hít đất, mắc thì thưởng cho “dạ chiến”. Ôi dạ chiến, tôi sợ mi quá rồi! Chỉ vì trời tối, chào không kịp thôi mà ba người bạn cùng phòng (Chích Hiếu Huy) phải giúp tôi cởi quần áo ướt, mặc quân phục tác chiến số 3 mới kịp giờ Ông Dương Đức Chi ấn định! Từ đó cứ thấy bóng dáng ai từ xa đi tới thì chào cho chắc ăn, dù đó là anh lính “Cà Chăn Ngựa”. Năm 1967 tôi được ngồi chung lớp BBCC (Thủ Đức) với các anh Văn Cảnh 16, Xuân Vinh, Đức Chi 17. Chú em 19 được 3 ông anh bao free hủ tíu cafe suốt khoá học. Một thời gian ngắn sau khi trở về đơn vị thì anh Cảnh báo tin Đức Chi “đứt chi”! Nay thì anh Cảnh cũng đi rồi. May mà chưa một lần tôi có lỗi với các anh.

Thôi giã từ các hung thần trong quân trường, tôi đi trình diện các anh K17 ngoài chiến trường-Binh Chủng TQLC.

- Khoá 17 Võ Bị ở Binh Chủng TQLC:

Khoá 17 ra trường tháng 3/1963, có 12 Thiếu Úy về TQLC:

Lê Văn Cưu*, Phạm Dương Đạt, Nguyễn Ngọc Điệp*
Nguyễn Tiến Đức*, Trần Kim Hoàng*, Trịnh Kim Huệ*, Đinh Xuân Lãm*, Nguyễn Duy Long*, Huỳnh Văn Lượm*, Ngô Văn Mẹo*, Nguyễn Văn Nhạc, Tăng Minh Sang. (* không còn nữa!)

K17 về TQLC sau K16 chỉ 3 tháng thôi, các anh đánh đấm cũng tung bừng khói lửa mà đường binh nghiệp thì lặn dạn vô cùng. K16 có 11 anh thì đều làm tiểu đoàn trưởng cả, trong khi K17 có 12 anh thì chỉ có 2 anh là TĐT, đó là Long Lê Huỳnh Văn Lượm và Lâm Đồng Đình Xuân Lãm.

Thâm niên Binh Chủng từ 3/63 mà tới 9/68, anh Lãm vẫn còn là đại đội trưởng. Trong trận kinh Cái Thia (Cai Lậy) 31/12/67, tôi coi ĐĐ.1, anh Lãm coi ĐĐ.2, Trần Văn Thương ĐĐ.3, Trần Văn Hợp ĐĐ.4, đến tháng 9/68 thì anh Lãm mới lên Ban 3 Tiểu Đoàn.

Trong trận Cầu Khởi Bồi Lồi 14-17/9/68, là Trưởng Ban 3/ TĐ.2 anh Lãm đã cùng TĐT Đồ Sơn bay C&C suốt đêm để hướng dẫn Hoà Long và cho biết tình hình địch nên đại đội của tôi và Trần Văn Thương đứng vững tới sáng.

Ngoài hai anh Lượm và Lãm coi như nổi nhất K17 thì anh Lê Văn Cưu đáng lẽ mới là người nổi trội. Khi ở TĐ.1/TQLC, anh là người lên trung uý và là đại đội trưởng đầu tiên của K17/TQLC, trước cả mấy anh K16. Anh có tài, không tứ đồ tường mà chỉ phân nửa, có tí tật thích “bay nhảy” nên đường binh nghiệp của anh cũng nhảy lung tung. Những năm tháng cuối cùng anh về Hậu Nghĩa dưới quyền Ông Tỉnh Tôn Thất Soạn như cá gặp nước. Trước đây khi còn ở TĐ.1/TQLC, Tiểu Đoàn Trưởng Tôn Thất Soạn đã cho anh Cưu làm ĐĐT, nay Ông Tỉnh bắt Cưu coi một cái quận thật nghèo kinh tế nhưng thật giàu “mãng cầu gài” (lựu đạn).

Sau 30/4, trong tù, tôi ở chung với các anh Cưu, Hoàng, Lãm, Huyền (Mai Lệ) nên mới thấy cái tài “vờ vịt” của anh Cưu. Ngay từ những ngày đầu tiên ở Long Giao, anh đã bị bệnh “gai” cột sống, anh khoét chỗ nằm một cái lỗ trứng cho vừa cái lưng, anh đi lòm khòm như mặc áo không quần, cai tù thấy vậy cho anh nghỉ bệnh, miễn “lao động là vinh quang”.

Anh qua mặt cai tù, không đi lao động, khi ra tù, anh cong lưng lái xe đạp thồ, rồi sau đó qua mặt công an phường, anh thuê một cơ sở tôn giáo (trên đường Trần Quốc Toản bị VC tịch thu) mở câu lạc bộ, anh gọi là: “Tự Nghĩa Đường Tứ Hải Giai Huynh Đệ”, nơi gặp nhau an toàn của các cựu tù, trước mắt công an phường.

Tôi hỏi anh hết “gai” cột sống hồi nào mà ngay lưng vậy, anh mỉm cười:

- Tao lấy dao cạo cạo, nghe xạo xạo.

Ngày tôi ra mắt sách Nửa Đường, anh từ San Jose xuống dự và ôm về một thùng để tặng bạn bè. Anh thương tôi vì tôi phục anh.

TQLC đất chật người đông, trung úy thâm niên mới là đại đội phó, được làm đại đội trưởng thì khó vô cùng, huống chi tiểu đoàn trưởng. Kẹt đường tiến thân nên một số các anh K17 đã xuất Binh Chung đi đơn vị khác.



Còn đâu mái tóc đẹp để ngày nào!

Khoá 17 huấn luyện K19 chúng tôi trong quân trường, nên ở TQLC, chúng tôi rất kính nể các “hung thần” này. Đã từng làm việc và ở tù chung với các anh Lê Văn Cưu*, Trần Kim Hoàng*, Đinh Xuân Lâm*, Huỳnh Văn Lượm*, Lê Văn Huyền*. Các anh thương tôi và ngược lại, “sống chết có nhau” ngoài chiến trường, “giúp đỡ lẫn nhau” trong ngục tù CS. Nay thì cả 5 anh không còn nữa! Tôi thương nhớ và kính phục các anh vô cùng. (*tt: tù trần, tử trận, tuần tiết)

Tính đến nay (1/2024) đã có 9/12 anh tử trận và tù trần, còn 3 anh Phạm Dương Đạt, Nguyễn Văn Nhạc, Tăng Minh Sang thì không biết phiêu bạt phương nào?

K17 Hải Ngoại.

Có những “Ông Lê Lai” chỉ nghe danh, khi ra hải ngoại tôi mới được hân hạnh trình diện. Người đầu tiên tôi trình diện là anh Nam Sinh Tín, rồi liên tục được sinh hoạt với anh trong

Hội VB Nam CA cho tới khi anh “ra đi”!

ếp Thi sĩ Mộng Mơ Nam Sinh Tín cùng chị Minh Nguyệt thật xứng đôi nghệ sĩ tuyệt vời, đẹp như tài tử cine, mà anh là “movie star-thầy pháp bắt ma” thật đấy. Anh chị cùng viết văn, làm thơ, ca nhạc sĩ v.v... Cái “tuyệt vời” ở đây là tư cách, tính hoà đồng và “mình vì mọi người”. Trong ngày Khoá Lê Lai kỷ niệm “**70 Tuổi Đòi 50 Tuổi Lĩnh**” (30/5/2010), anh Nam Sinh Tín đã hy sinh cắt tóc đuôi gà Mexicana để đóng trọn vai một sinh viên sĩ quan trong quân phục đạo phố mùa Đông với bản nhạc Mimosa, đẹp thật, trẻ thật. Đây là một sự hy sinh không nhỏ của SVSQ Tín, Khóa 33 (16+17=33). Anh và chúng tôi thường ngồi quanh bàn trà, café, anh mỉm cười nghe đàn em nỏ, đúng giờ anh đứng dậy mang food togo về cho chị. Rồi một ngày, bất ngờ nghe tin anh về cõi phúc.

Kính chúc Anh thượng lộ bình an, tiếp sức mạnh cho chị lãnh trọng trách.

Cái hình ảnh đáng sợ nhất nhưng cũng oai phong nhất đối với K19 chúng tôi ngay từ thuở ban đầu vừa bước vào cổng trường rồi theo đuôi chúng tôi suốt 8 tuần lễ sơ khởi và cho tới ngày nay là cái ông đội nón nhựa, thất lung cổ truyền, găng tay trắng, bột-đờ-sô bóng láng, miệng lúc nào cũng hét: “Chạy theo tôi”, rồi đôi giọng gay gắt ngay:

- “Anh này hít đất cho tôi, anh kia bò cho tôi”!

TKS thắc mắc tại sao ông không nói “bò theo tôi” (ông bò tôi bò theo).

Hình bóng năm xưa ấy đêm nay xuất hiện đều đều trên sân khấu, SVSQ Cán Bộ Bùi Viện Nguyễn Tiến Mão cũng hò, cũng hét nhưng K19 chúng tôi không còn ngán ông nữa, vì lý do cái nón nhựa không chịu đánh bóng, bụng ông to khó kéo quần lên nên đành để nó xệ xuống! Chỉ một mình ông là hung thần hò hét, sau lưng ông là những bông hồng đang chờ ông hét cho xong để các chị hát cho mọi người nghe.

Giữ sức khoẻ nghe ông Bùi Viện Nguyễn Tiến Mão đồng

môn L.P.Ký của tôi.

Ngày trong tù, tôi biết ông Nguyễn Duy Diệm là một thợ cưa, cưa cây chứ không cưa hoa, nhưng ra tù gặp nhau ở quận Cam, tôi mới biết ông là phi công ép-năm kiêm nhạc sĩ chơi đàn... Thấy ông hiền lành dễ tính, gặp đàn em-tôi, ông mỉm cười đưa tay chào trước khiến tôi “lờn mặt” gọi ông là nhạc sĩ Lục Thiên Huyền Cầm, loại đàn đứt giây nào, bỏ dây đó nó vẫn kêu. Trêu đàn anh chút chút cho vui tình huynh đệ.

Khi còn là TKS, mỗi khi vào phòng ăn, cán bộ TKS cho nghe nhạc, loa vừa cất lên:

- Bạn ơi, quan hà xin cạn chén ly bôi... ngày mai tôi đã đi xa rồi, thành đô lưu luyến...

Tới đó là ông cắt cái “cụp”, tân khoá sinh hựt hẫng, nhớ quá khứ, nước mắt chảy vòng quanh. Thế rồi đầu đó khắp phạm điểm tiếng quát tháo: “Tại sao anh khóc”? Không ai khóc cả nhưng mắt đỏ hoe vì tôi đã đi xa thành đô rồi. “Biệt Kinh Kỳ” ơi, nhớ em...

Đêm nay, đêm Hội Ngộ 50 Tuổi Lính, Ông Hoàng ngày xưa ấy lại bắt chúng tôi nghe Biệt Kinh Kỳ. Biệt Kinh Kỳ gieo sâu não. Lại cũng Ông Hoàng bắt chúng tôi hát “Tiểu Đoàn Tân Khoá Sinh”, bản nhạc mà chúng tôi vừa ca vừa khóc nên nay chẳng còn nhớ câu nào. Xin lỗi Ông Hoàng, người... trên thông thiên văn, dưới thông địa lý, ông đúng là:

- Hoàng Tú Xe.

Người mà không riêng tôi mến phục, mà hầu như những ai tiếp xúc, làm việc dưới quyền ông thì đều xác nhận như vậy, ông có võ, lại có vũ (khí) nên người đời gọi ông là: “Song Vũ”.

Bản sung giỏi, viết văn hay mà khiêm nhường chỉ là “Song Vũ” chứ không song-phi như những “cậu ông Thiên”.

Nói nhiều về ông thì lại mang tiếng “thấy sang bắt quàng làm họ”.

Thôi thì tặng ông một tấm hình là xác nhận tất cả:

- Ông đứng giữa các chòm sao.



Diễn hành tại Sài Gòn

Câu chuyện Đẻ Nhớ để Thương còn dài, xin để hồi hai. Cuối bài này tôi xin kết thúc bằng một danh xưng luôn đứng chót, không những thế, còn được Guinness ghi nhận là kỷ lục ngắn nhất, nghèo nhất, đến nỗi cái tên cũng không có chữ lót. Nhưng ông giàu chữ nghĩa, văn thơ lai láng. Ông chính là thầy chỉ tôi cầm bút

Ông là Bắc Đẩu, văn võ song toàn, nhưng cái hay của ông là luôn luôn “lùi một bước”. Nói thế thôi, lùi một bước nhưng nếu cậu ông trời nào cứ lần tới thì sau lưng ông là chân tường. Người lái phi công giúp ông có những người con ngoan. Nay ông an nhiên tự tại bên bàn phím còm-biù-tờ, bàn “mã tước”.

Mã tước là con chim sè, là quân nhất sách, xoa mạc-chược là xoa mà tước, xoa con nhất sách, chốn dân gian gọi là xoa (bài) chim.

Cầu chúc ông thêm dăm ba “đứa con” nữa/

* * *

Bài điều tiễn Lâm Đòng

Lâm Đồng! Lâm Đồng! Lâm Đồng!

Lâm Đồng, Đại Đội Trưởng và Trưởng Ban Ba xuất sắc của Trâu Diên.

Cấp chỉ huy lý tưởng của TĐ.2 và TĐ.16/TQLC.

Đã xung phong tiến lên đời một mình.

Anh chiếm mục tiêu nhanh quá và bất ngờ quá!

Người người ngỡ ngàng.

Lâm Đồng hoàn thành nhiệm vụ cuối cùng thật rồi sao?

Nào có ai hỏi thúc gì anh đâu?

Anh đi rồi để lại phía sau

Chị Lãm đau khổ, các cháu khóc thương

Đội đồng hương nhớ anh mãi.

Quay lại quá khứ

Anh Nam, tôi Bắc Kỳ nhưng cùng chung L.Petrus Ký, rồi già từ bút nghiên, anh trước, tôi sau cùng nhau gia nhập Võ Bị,

Anh niên trưởng cán bộ K17, tôi, tân khóa sinh K19, anh hành hạ tôi, lột xác tôi, huấn luyện tôi, dạy dỗ tôi, hun đúc tôi cho thành người cứng cựa, nhọn sừng.

Thủ khoa K17 Vĩnh Nhi bắn cung tên, ngày mãn khóa, anh tình nguyện về Bình Chủng TQLC.

Thủ khoa K19 Võ Thành Kháng bắn cung tên, ngày ra trường, tôi theo chân anh hăm hở về binh chủng Mũ Xanh

Vĩnh Nhi, Thành Kháng tử trận, anh tôi không nản chí. Đồng khóa cùng chia K17/TQLC Đẹp trúng đạn ngã xuống thì anh xông lên cầm quân thay thế.

Bao nhiêu đồng đội, đồng môn đã ra đi, nhưng anh và tôi vẫn súng đạn, bản đồ cầm tay cùng đoàn quân Cọp Biển xông pha từ đầu cầu Gio Linh, Bến Hải, lên Cao Nguyên, Kontum, Pleiku, xuống đầm lầy U Minh Thượng Hạ., đến tận mũi Cà Mau trong màu áo rằn ri với huy hiệu Trâu Diên trên cánh tay

phải. Phải húc cho tan lũ địch, phải cày cho đồng ruộng màu mỡ thanh bình, dẫu cho có bị mòn sừng, xúc móng. Và..

Cái đêm ấy, đêm “hưu chiến 31/12/67” ở hai bên bờ kinh Cái Thia, quận Cai Lậy, bên này đại đội phó của tôi, Tr/Uy Nguyễn Quốc Chính tử trận, đạn RPD xuyên màng tang! Bên kia, phòng tuyến của đại đội anh mong manh sắp vỡ,

Đại đội trưởng Lâm Đồng cùng đại đội phó Vũ Đoàn Dzoan mang quân trừ bị trám tuyến, M60 quét dọc quét ngang, địch vội vàng tháo lui, nhưng quân ta cũng bị sút mẻ.

Đang chuẩn bị đón tết Nguyên Đán Mậu Thân 1968 bên bờ sông Cai Lậy thì được lệnh lên Chinook, trực chỉ Saigon, đổ quân xuống sân cờ bộ Tổng Tham Mưu, trước dinh Đại Tướng. Trâu Diên mang quân về “giải phóng Thủ Đô”. Đợt 1, đợt 2, đợt 3 xong xuôi, thanh bình trở lại với Saigon thì Trâu Diên lại lên đường vào rừng núi Tây Ninh.

Tháng 9/1968.

Khiêm Hanh TN, địa danh Cầu Khởi, ĐĐ.1/TĐ.2/TQLC của tôi nhảy trực thăng lục tìm địch, chẳng cảm tìm đâu xa, địch bao vây ngay xung quanh bãi đáp.

Địch áp sát cho đến nỗi có vấn Mỹ sợ quá phải vội vàng theo trực thăng tải thương di tản. TĐT Đồ Sơn cùng Ban Ba Lâm Đồng xử dụng hết mọi hỏa lực yểm trợ, từ B.57 tới Cobra, PB đầu bạc, PB 105 ly bắn cận tuyến và ngay trên tuyến

Địch tháo lui, xác địch nằm bên xác Trâu Diên, gần 20 anh em TQLC vừa bị thương vừa tử trận. Nhưng hơn 70 đồng đội được cứu sống. Cảm ơn TĐT, cảm ơn Trưởng Ban Ba, những cấp chỉ huy đơn vị can đảm, tận tụy.

Khỏi súng chưa phai khỏi túi áo với băng tên màu tím thì chỉ vài ba ngày sau, Đại Đội 3 của Trần Văn Thương và ĐĐ.1 tôi lại đổ xuống Bời Lời.

Địch tận tình đón tiếp với đủ mọi loại pháo, có cả tiếng “cắc-cắc, tùng-tùng” của mười hai ly bảy. Lưới đạn phòng

không không cho Trâu Điền còn lại xuống tiếp, chúng uy hiếp chúng tôi đến nỗi chỉ trong buổi sáng thôi mà phải thay 3 lần cố vấn.

Chúng tôi vẫn vững, tuy đã phải chia đạn, nhưng không hề chi

Lại vẫn các anh, Saigon, Đồ Sơn, Lâm Đồng túc trực trên C&C.

Đêm ấy Đồ Sơn, Lâm Đồng bay không nghỉ.

Chỉ cho tôi hướng địch di chuyển, vị trí cối 61, 82 ly.

Hướng dẫn Hỏa Long, chặn đầu, chặt đuôi đám cầu tặc.

Cho tới lúc

Mặt trời lên, ánh sáng không xuyên qua được khói súng, nhưng xung quanh LZ đám giặc lúng túng, vẫn chạy vòng quanh, làm môi ngon cho gunships. Tiểu đoàn xuống tiếp

Trâu Điền đoàn tụ, Tướng Dư Quốc Đống, Tư Lệnh mặt trận đến quan sát xác địch.

Anh, tôi tiếp tục chiến đấu. Nhưng như kiến bò miệng chén, ngày 16/9/69, Chương Thiện, tôi bị loại khỏi cuộc chiến.

Anh vẫn hiện ngang khắp nơi, Cao Miên, Hạ Lào, Quảng Trị.

29/3/75, Lâm Đồng, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ.16/TQLC đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ cùng đồng đội bảo toàn đơn vị xuôi Nam dưới chân đèo Hải Vân, còn tôi, dưới chân núi Sơn Chà, căn cứ Non Nước cũng bơi ra biển lên tàu.

Từ Vũng Tàu, Anh cùng đơn vị tiếp tục lên đường chiến đấu.

Long Khánh, Long Thành, Long Bình, Biên Hòa, cầu Đồng Nai xa lộ.

Dẫu biết rằng số phận sẽ hẩm hiu.

Lui về cố thủ, tử thủ trong căn cứ Sóng Thần dưới quyền TLP Tango.

Nhưng!

Súng còn, đạn dư mà “tổng tư lệnh” bắt chúng tôi buông súng.

Sáng 30/4/75, gậy súng, ngửa mặt lên trời khóc ngất.

Anh và tôi “tự nguyện” đưa tay vào còng, làm thân tù mà không tội.

Tội của ai kia?

Khởi đi từ Taberd, Long Giao, Suối Máu.

Lào Cai, Yên Bái, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Quang Vĩnh Phú, Thượng Du Bắc Việt.

Anh tôi, niên trưởng niên đệ, đồng đội nhìn nhau không nói, chảy nước mắt, muốn trào máu họng. Nhưng nung vào nhau mà sống, sống đúng tư cách một TQLC trong lao tù CS.

Xưa anh say men chiến thắng nhưng không bao giờ mượn chén “say men”, không bao giờ sỉ vả la hét đàn em. Với quân địch thì tiếng súng thay cho tiếng chửi thề.

Nay trong chón tù đầy, anh vẫn hiên ngang trước bầy sói dữ.

Tôi kính phục anh, bạn bè đồng đội mến anh, thương anh, trọng anh.

Tư Lệnh Sư Đoàn, Lữ Đoàn Trưởng, thượng cấp xưa đến tận gia thăm khi anh đau yếu (1).

Xa nửa vòng trái đất, thuộc cấp xưa, đã 35 năm qua họ vẫn nhớ đến anh. (2)

Nghe tin anh mất, họ tụ tập, lập bàn thờ, khói hương nghi ngút cầu xin hương linh anh mau về cõi Phật.

Tình đồng đội, nghĩa thầy trò kể sao cho xiết

Trăm vạn lời khen anh cũng không còn tha thiết.

Nhưng không nói, không được, phải nói cho đời biết

Anh không cần trống kèn cờ quạt với khen chê.

Nhưng thân nhân anh, con cháu anh an tâm có người chồng người cha, sống, chiến đấu với tình bằng hữu như bát nước đày.

Giờ đây, phui sạch bụi trần

Lâm Đồng, Ban Ba TĐ.2/TQLC về trên ấy với những Trâu Diên Trường Lê Hằng Minh, Nguyễn Xuân Phúc, Trần Văn Hợp cùng với bao nhiêu trâu già, ghé con và Hắc Long v.v. khác để thành lập đơn vị mới tiếp tục bảo vệ Tổ Quốc, bảo vệ Hoàng Sa.

Ngày anh ra đi, người người tiễn chân anh, chào anh lần cuối.

Và rồi, tiếng kèn truy điệu ai oán cất lên: “Tò tí te, tò tí te, te te tò tí tí..”

Đâu đây tiếng nấc nghẹn nghĩa phu thê, nước mắt trào dâng con khóc bố.

Thế là anh đi thật rồi!

